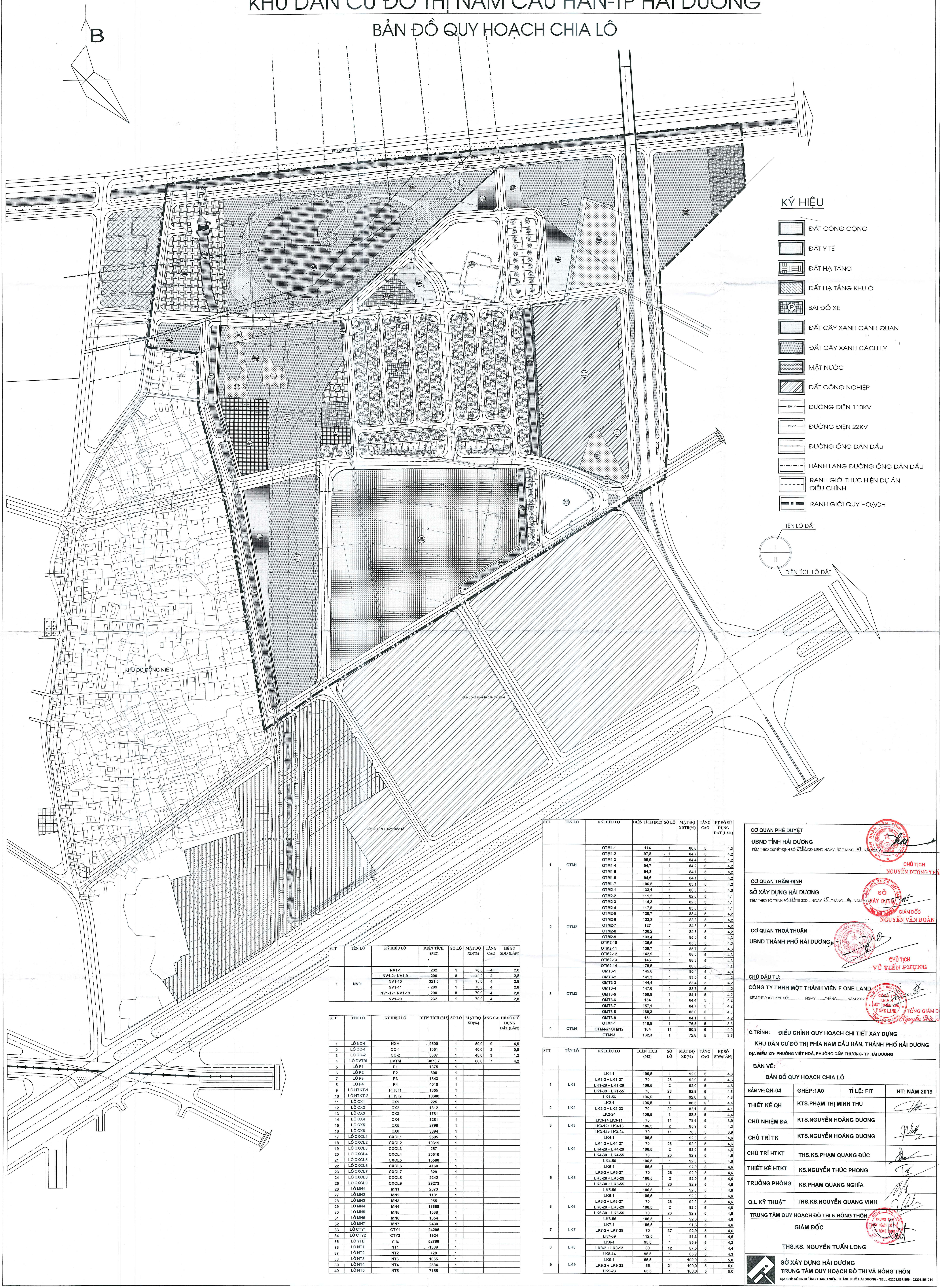
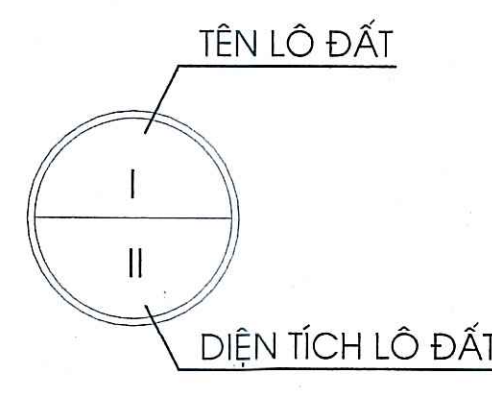


ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG 1/500
KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ NAM CẦU HÀN-TP HẢI DƯƠNG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIA LÔ



- KÝ HIỆU
- ĐẤT CÔNG CỘNG
 - ĐẤT Y TẾ
 - ĐẤT HẠ TẦNG
 - ĐẤT HẠ TẦNG KHU Ở
 - BÃI ĐỖ XE
 - ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN
 - ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
 - MẶT NƯỚC
 - ĐẤT CÔNG NGHIỆP
 - ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV
 - ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV
 - ĐƯỜNG ỐNG DẪN DẦU
 - HÀNH LANG ĐƯỜNG ỐNG DẪN DẦU
 - RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH
 - RANH GIỚI QUY HOẠCH



STT	TÊN LÔ	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	MẬT ĐỘ XÂY (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÂN)
1	NV01	NV1-1	232	1	70,0	4	2,8
		NV1-2	200	8	70,0	4	2,8
		NV1-10	321,5	1	70,0	4	2,8
		NV1-11	289	1	70,0	4	2,8
		NV1-12	200	8	70,0	4	2,8
		NV1-20	232	1	70,0	4	2,8

STT	TÊN LÔ	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	MẬT ĐỘ XÂY (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÂN)
1	LÔ NXH	NXH	9900	1	50,0	9	4,5
2	LÔ CC-1	CC-1	1051	1	40,0	2	0,8
3	LÔ CC-2	CC-2	5887	1	40,0	3	1,2
4	LÔ DVTM	DVTM	3870,7	1	80,0	7	4,2
5	LÔ P1	P1	1375	1			
6	LÔ P2	P2	600	1			
7	LÔ P3	P3	1843	1			
8	LÔ P4	P4	4010	1			
9	LÔ HTKT-1	HTKT1	1580	1			
10	LÔ HTKT-2	HTKT2	10300	1			
11	LÔ CX1	CX1	225	1			
12	LÔ CX2	CX2	1812	1			
13	LÔ CX3	CX3	1781	1			
14	LÔ CX4	CX4	1281	1			
15	LÔ CX5	CX5	2798	1			
16	LÔ CX6	CX6	3894	1			
17	LÔ CXCL1	CXCL1	9595	1			
18	LÔ CXCL2	CXCL2	10319	1			
19	LÔ CXCL3	CXCL3	287	1			
20	LÔ CXCL4	CXCL4	20510	1			
21	LÔ CXCL5	CXCL5	15580	1			
22	LÔ CXCL6	CXCL6	4160	1			
23	LÔ CXCL7	CXCL7	529	1			
24	LÔ CXCL8	CXCL8	2242	1			
25	LÔ CXCL9	CXCL9	28273	1			
26	LÔ MN1	MN1	2073	1			
27	LÔ MN2	MN2	1161	1			
28	LÔ MN3	MN3	855	1			
29	LÔ MN4	MN4	16668	1			
30	LÔ MN5	MN5	1538	1			
31	LÔ MN6	MN6	1584	1			
32	LÔ MN7	MN7	2430	1			
33	LÔ CTY1	CTY1	24295	1			
34	LÔ CTY2	CTY2	1924	1			
35	LÔ YTE	YTE	52788	1			
36	LÔ NT1	NT1	1029	1			
37	LÔ NT2	NT2	728	1			
38	LÔ NT3	NT3	1055	1			
39	LÔ NT4	NT4	2684	1			
40	LÔ NT5	NT5	7195	1			

STT	TÊN LÔ	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	MẬT ĐỘ XÂY (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÂN)
1	OTM1	OTM1-1	114	1	86,8	5	4,2
		OTM1-2	97,8	1	84,7	5	4,2
		OTM1-3	85,9	1	84,4	5	4,2
		OTM1-4	94,7	1	84,2	5	4,2
		OTM1-5	84,3	1	84,1	5	4,2
		OTM1-6	84,6	1	84,1	5	4,2
		OTM1-7	106,5	1	83,1	5	4,2
		OTM2-1	133,1	1	80,3	5	4,0
		OTM2-2	111,2	1	82,0	5	4,1
		OTM2-3	114,3	1	82,5	5	4,1
2	OTM2	OTM2-4	117,5	1	83,0	5	4,1
		OTM2-5	120,7	1	83,4	5	4,2
		OTM2-6	123,8	1	83,8	5	4,2
		OTM2-7	127	1	84,3	5	4,2
		OTM2-8	130,2	1	84,5	5	4,2
		OTM2-9	133,4	1	85,0	5	4,3
		OTM2-10	136,5	1	85,3	5	4,3
		OTM2-11	139,7	1	85,7	5	4,3
		OTM2-12	142,9	1	86,0	5	4,3
		OTM2-13	146	1	86,3	5	4,3
3	OTM3	OTM2-14	178,5	1	86,8	5	4,3
		OMT3-1	145,6	1	80,4	5	4,0
		OMT3-2	141,3	1	83,0	5	4,2
		OMT3-3	144,4	1	83,5	5	4,2
		OMT3-4	147,6	1	83,7	5	4,2
		OMT3-5	150,8	1	84,1	5	4,2
		OMT3-6	154	1	84,4	5	4,2
		OMT3-7	157,1	1	84,7	5	4,2
		OMT3-8	160,3	1	85,0	5	4,3
		OMT3-9	151	1	84,1	5	4,2
4	OTM4	OTM4-1	110,8	1	76,5	5	3,8
		OTM4-2	104	1	80,9	5	4,0
		OTM13	132,3	1	72,8	5	3,8

STT	TÊN LÔ	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	MẬT ĐỘ XÂY (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÂN)
1	LK1	LK1-1	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK1-2 + LK1-27	70	26	92,9	5	4,6
		LK1-28 + LK1-29	106,5	2	92,9	5	4,6
2	LK2	LK1-30 + LK1-55	70	26	92,9	5	4,6
		LK1-56	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK2-1	106,5	1	88,3	5	4,4
3	LK3	LK2-2 + LK2-23	70	22	82,1	5	4,1
		LK2-24	106,5	1	88,3	5	4,4
		LK3-1 + LK3-11	70	11	78,8	5	3,9
4	LK4	LK3-12 + LK3-13	106,5	2	88,9	5	4,2
		LK3-14 + LK3-24	70	11	78,8	5	3,9
		LK4-1	106,5	1	92,0	5	4,6
5	LK5	LK4-2 + LK4-27	70	26	92,9	5	4,6
		LK4-28 + LK4-29	106,5	2	92,9	5	4,6
		LK4-30 + LK4-55	70	26	92,9	5	4,6
6	LK6	LK4-56	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK5-1	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK5-2 + LK5-27	70	26	92,9	5	4,6
7	LK7	LK5-28 + LK5-29	106,5	2	92,9	5	4,6
		LK5-30 + LK5-55	70	26	92,9	5	4,6
		LK5-56	106,5	1	92,0	5	4,6
8	LK8	LK6-1	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK6-2 + LK6-27	70	26	92,9	5	4,6
		LK6-28 + LK6-29	106,5	2	92,9	5	4,6
9	LK9	LK6-30 + LK6-55	70	26	92,9	5	4,6
		LK6-56	106,5	1	92,0	5	4,6
		LK7-1	106,5	1	91,8	5	4,6
10	LK10	LK7-2 + LK7-38	70	37	92,9	5	4,6
		LK7-39	112,5	1	91,3	5	4,6
		LK8-1	85,5	1	85,9	5	4,3
11	LK11	LK8-2 + LK8-13	80	12	87,8	5	4,4
		LK8-14	85,5	1	85,9	5	4,3
		LK9-1	65,5	1	100,0	5	5,0
12	LK12	LK9-2 + LK9-22	65	21	100,0	5	5,0
		LK9-23	65,5	1	100,0	5	5,0

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
Kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 03 năm 2019

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
Kèm theo tờ trình số 33/TT-SXD, ngày 15 tháng 06 năm 2019

CƠ QUAN THỎA THUẬN
UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN F ONE LAND
Kèm theo tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm 2019

C.TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ PHÍA NAM CẦU HÀN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG VIỆT HOÀ, PHƯỜNG CẨM THƯỢNG- TP HẢI DƯƠNG

BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIA LÔ

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1A0	TỈ LỆ: FIT	HT: NĂM 2019
---------------	-----------	------------	--------------

THIẾT KẾ QH	KTS. PHẠM THỊ MINH THU
CHỦ NHIỆM ĐA	KTS. NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG
CHỦ TRÌ TK	KTS. NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG
CHỦ TRÌ HTKT	THS. KS. PHẠM QUANG ĐỨC
THIẾT KẾ HTKT	KS. NGUYỄN THỨC PHONG
TRƯỞNG PHÒNG	KS. PHẠM QUANG NGHĨA
Q.L. KỸ THUẬT	THS. KS. NGUYỄN QUANG VINH

TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ & NÔNG THÔN
GIÁM ĐỐC
THS. KS. NGUYỄN TUẤN LONG

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 95 ĐƯỜNG THANH NIÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TEL: 02203.837.836 - 02203.861911